TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **03**/2026/HNGĐ-ST
Ngày 11 – 02 – 2026
"V/v không công nhận quan hệ vợ chồng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – LÂM ĐỒNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Xuân Diệu

Các hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thế Kỳ và ông Nguyễn Sơn.

- Thư ký phiên toà*:* Bà Nguyễn Thị Chiên – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 7 – Lâm Đồng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Lâm Đồng tham gia phiên toà*:* Ông Lê Minh Giáp - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 02 năm 2026 tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 7 – Lâm Đồng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 42/2026/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2026 về việc *"Không công nhận quan hệ vợ chồng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 03/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Lê Thị H, sinh năm 1961.

Địa chỉ: Thôn Q, xã K, tỉnh Lâm Đồng; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn*: Ông Vũ Văn T, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Thôn Q, xã K, tỉnh Lâm Đồng; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Thị H trình bày:

Bà Lê Thị H và ông Vũ Văn T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2010 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Trong quá trình chung sống bà H và ông T phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Hiện nay nhận thấy tình cảm không còn, đời sống chung không thể kéo dài nên bà Lê Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lê Thị H và ông Vũ Văn T.

Về con chung: Bà Lê Thị H và ông Vũ Văn T không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Lê Thị H và ông Vũ Văn T tự thỏa thuận, bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Vũ Văn T trình bày:

Bà Lê Thị H và ông Vũ Văn T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2010 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Trong quá trình chung sống ông T và bà H phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Nay không thể chung sống với nhau được nữa, nên ông T đồng ý và đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Vũ Văn T và bà Lê Thị H.

Về con chung: Ông Vũ Văn T và bà Lê Thị H không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông Vũ Văn T và bà Lê Thị H tự thỏa thuận, ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Lâm Đồng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi được phân công giải quyết vụ án cho đến thời điểm trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật, những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà

Lê Thị H và ông Vũ Văn T. Về con chung: Bà Lê Thị H và ông Vũ Văn T không có con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Lê Thị H và ông Vũ Văn T không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Lê Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng với ông Vũ Văn T nên quan hệ tranh chấp là "*Không công nhận quan hệ vợ chồng"* theo quy định tại khoản 8 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn là ông Vũ Văn T đang cư trú tại thôn Q, xã K, tỉnh Lâm Đồng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Lâm Đồng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị H và bị đơn ông Vũ Văn T đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Hương, ông T theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị H, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị H và ông Vũ Văn T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2010 đến nay. Quá trình chung sống ông T và bà H không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền mặc dù có đầy đủ điều kiện kết hôn, mặt khác Nhà nước có chính sách khuyến khích đăng ký kết hôn nhưng ông T và bà H vẫn không chấp hành là vi phạm khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

"1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý".

Khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

"1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng…".

Mặt khác, trong quá trình chung sống giữa ông T và bà H thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông T và bà H tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, ông bà đã cố gắng hàn gắn nhưng không được. Đến nay ông T và bà H nhận thấy tình cảm không còn, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H về việc yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lê Thị H và ông Vũ Văn T là có căn cứ chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Bà Lê Thị H và ông Vũ Văn T không có con chung.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Lê Thị H và ông Vũ Văn T không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị H đối với ông Vũ Văn T.

[4] Xét quan điểm đề nghị giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Lâm Đồng tại phiên tòa là có căn cứ, nên cần chấp nhận.

[5] Về án phí: Bà Lê Thị H phải chịu số tiền 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H đối với ông Vũ Văn T.

1.1. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lê Thị H và ông Vũ Văn T.

1.2. Về con chung: Bà Lê Thị H và ông Vũ Văn T không có con chung.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Lê Thị H và ông Vũ Văn T không yêu cầu nên không giải quyết.

2. Về án phí: Bà Lê Thị H phải chịu 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ số tiền 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí mà bà H đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000805 ngày 13 tháng 01 năm 2026 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7 – Lâm Đồng.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND khu vực 7 – Lâm Đồng;
- Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng THADS khu vực 7 – Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Lê Xuân Diệu